

CÔNG TY CP NHỰA BAO BÌ VINH  
VBC

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH  
V/v tăng LNST quý 1/2018 trên 10%

KÍNH GỬI: Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế Quý 1 của năm này tăng 36,48 % so với quý 1 năm 2017 như sau:

	Quý I		Tỷ lệ tăng, giảm	Yếu tố giảm hiệu quả	Yếu tố tăng hiệu quả
	Năm này	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,757,533,125	171,712,193,813	123.32	3,717,683,205	40,045,339,
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3,717,683,205				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	208,039,849,920	171,712,193,813	121.16	34,487,724,171	
4. Giá vốn hàng bán	188,137,875,797	153,650,151,626	122.45		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19,901,974,123	18,062,042,187	110.19		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	140,693,628	94,299,446	87.10		46,394,
7. Chi phí tài chính	2,777,887,944	3,189,299,882	89.39		411,411,
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2,777,615,144	3,107,416,737	119.21	816,874,917	
8. Chi phí bán hàng	5,068,744,097	4,251,869,180	104.86	184,417,646	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,981,233,416	3,796,815,770	118.74		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8,214,802,294	6,918,356,801	4.21		22,010,
11. Thu nhập khác	42,879,049	20,869,000	11.44		
12. Chi phí khác	12,175,676	289,180,981			
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	30,703,373	268,311,981			
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,245,505,667	6,650,044,820	123.99		
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,659,930,599	1,824,705,936	90.97		
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,585,575,068	4,825,338,884	136.48	39,206,699,939	40,525,155,4
Cộng					(1,318,455,5
Chênh lệch					

Như vậy, LNST quý 1 năm nay tăng 36,48 % so với quý 1 năm trước chủ yếu do Tăng doanh thu và giảm chi phí lãi vay.

Vinh, ngày 19 tháng 04 năm 2018

  
Đe Xuân Chi